

Số: 440/TB-YDHP

Hải Phòng, ngày 25 tháng 5 năm 2023

THÔNG BÁO
Về việc tuyển sinh trình độ tiến sĩ, thạc sĩ năm 2023

Trường Đại học Y Dược Hải Phòng thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ, thạc sĩ năm 2023 như sau:

I. Tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ

1. Hình thức, thời gian đào tạo

1.1. Hình thức đào tạo: Tập trung chính quy

1.2. Thời gian đào tạo:

- 03 năm đối với người đã tốt nghiệp thạc sĩ hoặc tốt nghiệp trình độ tương đương bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam (bác sĩ nội trú, chuyên khoa cấp II) ngành đúng với ngành/chuyên ngành đăng ký dự tuyển.
- 04 năm đối với người đã tốt nghiệp đại học loại giỏi ngành đúng/phù hợp.

2. Chuyên ngành/ngành và dự kiến chỉ tiêu tuyển sinh

TT	Ngành/chuyên ngành	Mã ngành	Dự kiến chỉ tiêu
1.	Y tế công cộng	9720701	08
2.	Nhi khoa	9720106	06
3.	Nội khoa	9720107	07
4.	Ngoại khoa	9720104	04
	Tổng		25

3. Điều kiện dự tuyển

3.1. Văn bằng: Người dự tuyển phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Có bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy loại Giỏi trở lên, ngành đúng hoặc phù hợp với ngành/chuyên ngành đăng ký dự tuyển;
- Có bằng tốt nghiệp thạc sĩ, bác sĩ nội trú, chuyên khoa cấp II ngành đúng hoặc phù hợp với ngành/chuyên ngành đăng ký dự tuyển đã được Hội đồng tuyển sinh, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng phê duyệt

3.2. Kinh nghiệm nghiên cứu khoa học

Ứng viên phải là tác giả của tối thiểu 01 bài báo hoặc báo cáo liên quan đến ngành/chuyên ngành dự tuyển đã được đăng trên các tạp chí khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành có phản biện trong thời hạn 24 tháng, tính đến ngày đăng ký dự tuyển;

3.3. Kinh nghiệm công tác chuyên môn.

Ứng viên có kinh nghiệm nghiên cứu thể hiện qua luận văn thạc sĩ của chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu; hoặc bài báo, báo cáo khoa học đã công bố; hoặc có thời gian công tác từ 02 năm (24 tháng) trở lên là giảng viên, nghiên cứu viên của các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ;

3.4. Yêu cầu về ngoại ngữ

Ứng viên là công dân Việt Nam phải có một trong những văn bằng, chứng chỉ minh chứng về năng lực ngoại ngữ sau:

a) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài;

b) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học các ngành ngôn ngữ tiếng nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

c) Có một trong các chứng chỉ ngoại ngữ quy định tại Phụ lục 3 còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ khác tương đương trình độ Bậc 4 (theo Khung năng ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố;

d) Ứng viên là công dân nước ngoài học chương trình tiến sĩ bằng tiếng Việt phải có trình độ tiếng Việt tối thiểu từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài.

3.5. Có đề cương nghiên cứu (Phụ lục 4), gồm các nội dung sau:

a) Lý do mong muốn chọn trường Đại học Y Dược Hải Phòng (2 trang).

b) Đặt vấn đề, câu hỏi nghiên cứu và mục tiêu đề tài (2 trang).

c) Tổng quan tài liệu (10 trang).

d) Đối tượng và phương pháp nghiên cứu (12 trang).

e) Dự kiến kết quả nghiên cứu (2 trang)

g) Dự kiến bàn luận (1 trang)

h) Dự kiến kết luận (không bắt buộc)

i) Tài liệu tham khảo (không tính vào số trang quy định của đề cương)

j) Phụ lục (Các phụ lục kèm theo)

3.6. Có giấy chấp thuận hướng dẫn khoa học của người đủ tiêu chuẩn hướng dẫn theo quy định;

3.7. Có thư giới thiệu đánh giá phẩm chất nghề nghiệp, năng lực chuyên môn và khả năng thực hiện nghiên cứu của người dự tuyển của 02 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực mà người dự tuyển dự định nghiên cứu; hoặc 01 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc

có học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ cùng lĩnh vực và thủ trưởng đơn vị công tác của thí sinh.

3.8. Được cơ quan quản lý nhân sự giới thiệu cho đi dự tuyển;

3.9. Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định;

3.10. Hiện không bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

3.11. Cam kết thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với quá trình đào tạo theo qui định của cơ sở đào tạo.

4. Hình thức và cách thức tuyển sinh

4.1. Hình thức tuyển sinh: Xét tuyển

4.2. Cách thức tuyển sinh

Tiểu ban chuyên môn xét tuyển nghiên cứu sinh đánh giá phân loại thí sinh thông qua hồ sơ dự tuyển thể hiện ở các nội dung: kết quả học tập ở trình độ đại học, thạc sĩ; trình độ ngoại ngữ; thành tích nghiên cứu khoa học đó có và kinh nghiệm hoạt động chuyên môn; chất lượng bài luận; điểm công trình khoa học (qua các bài báo khoa học công bố trên các tạp chí khoa học, báo cáo khoa học được đăng trong trong kỷ yếu hội nghị khoa học quốc gia/quốc tế có bình duyệt và được xuất bản);

Thí sinh được phỏng vấn trình độ chuyên môn, thẩm định trình độ ngoại ngữ và bảo vệ đề cương nghiên cứu trước tiểu ban chuyên môn.

+ Điểm phần 1 (điểm đánh giá hồ sơ), tối đa 30 điểm: tối thiểu đạt ≥ 15 điểm. Các mục thành phần đều phải có điểm (không có mục nào 0 điểm)

+ Điểm phần 2 (điểm đánh giá đề cương nghiên cứu và năng lực của ứng viên) tối đa 70 điểm: Điểm tối thiểu đạt ≥ 35 điểm trong đó điểm đánh giá đề cương nghiên cứu phải đạt ≥ 25 điểm. Các mục thành phần đều phải có điểm (không có mục nào 0 điểm) (phụ lục 5)

4.3. Xét trúng tuyển:

Xếp thứ tự tổng điểm của phần 1 và phần 2 từ cao đến thấp theo đợt xét tuyển, lấy đến hết chỉ tiêu từng ngành.

Trường hợp trong 01 đợt xét tuyển cùng ngành ứng viên có tổng điểm bằng nhau. Xác định người trúng tuyển theo thứ tự ưu tiên

1. Tổng điểm phần 2 cao hơn.
2. Điểm bài báo và thành tích nghiên cứu khoa học cao hơn.

5. Hồ sơ tuyển sinh

- 1) Đơn xin dự tuyển.
- 2) Lý lịch khoa học (có xác nhận của cơ quan cử đi học).
- 3) Sơ yếu lý lịch (có xác nhận của cơ quan cử đi học).
- 4) Bản sao căn cước công dân (có công chứng).
- 5) Giấy chứng nhận đủ sức khỏe.
- 6) Đơn xin tự túc kinh phí nếu không thuộc biên chế nhà nước.
- 7) Giấy chứng nhận thâm niên công tác trong chuyên ngành dự thi của cơ quan chủ quản có thẩm quyền quyết định nhân sự.

- 8) Bản sao hợp lệ (có công chứng) bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ; bảng điểm học đại học, thạc sĩ tùy theo từng đối tượng dự tuyển. Những người dự tuyển tốt nghiệp đại học, sau đại học ở nước ngoài phải có giấy xác nhận văn bằng của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo. (08 bộ)
- 9) Bản sao hợp lệ (có công chứng) các bằng và chứng chỉ ngoại ngữ. (08 bộ)
- 10) Đề cương nghiên cứu và dự thảo kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa theo mẫu của trường đã được người dự kiến hướng dẫn và lãnh đạo khoa/bộ môn của ngành dự tuyển ký xác nhận. (08 quyển)
- 11) Hai thư giới thiệu. (08 bộ)
- 12) Giấy chấp thuận hướng dẫn khoa học của người đủ tiêu chuẩn hướng dẫn theo quy định.
- 13) Các minh chứng đủ điều kiện của người dự kiến hướng dẫn
- 14) Quyết định hoặc công văn cử đi dự tuyển của cơ quan quản lý nhân sự cho phép đi học.
- 15) 08 bộ danh mục các bài báo khoa học đã công bố (trang bìa, phụ bìa, mục lục, toàn văn)
- 16) Ba ảnh 4 x 6cm (chụp không quá 6 tháng, ghi họ, tên và ngày tháng năm sinh ở mặt sau ảnh); hai phong bì dán tem ghi rõ địa chỉ người nhận.

Ghi chú:

- Tất cả các giấy tờ trên được xếp theo thứ tự như trên và đựng trong túi hồ sơ.
- Hội đồng tuyển sinh chỉ nhận hồ sơ đã có đủ giấy tờ theo quy định.

6. Kinh phí tuyển sinh

- Lệ phí đăng ký dự tuyển: 60.000đ/thí sinh;
- Lệ phí dự tuyển: 200.000đ/thí sinh;
- Kinh phí xét duyệt đề cương: 2.500.000đ/thí sinh
- Hồ sơ và kinh phí tuyển sinh không được hoàn lại nếu hồ sơ không đủ điều kiện hoặc người dự tuyển bỏ xét tuyển.

7. Thời gian, địa điểm tổ chức xét tuyển

- Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Bắt đầu nhận hồ sơ và xét tuyển liên tục cho đến hết chỉ tiêu được giao hoặc đến hết ngày 30/11/2023.

- Xét và công bố trúng tuyển trong 02 đợt dự kiến như sau:

Đợt 1: Tháng 7-8/2023 (cho các hồ sơ xét tuyển tháng 6, tháng 7 và tháng 8);

Đợt 2: Tháng 11-12/2023 (cho các hồ sơ xét tuyển tháng 9, tháng 10 và tháng 11);

II. Tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ.

1. Hình thức, thời gian đào tạo

1.1. Hình thức đào tạo: Tập trung chính quy

1.2. Thời gian đào tạo: 02 năm

2. Chuyên ngành/ngành và dự kiến chỉ tiêu tuyển sinh

TT	Ngành/chuyên ngành	Mã ngành	Dự kiến chỉ tiêu	Thạc sĩ định hướng ứng dụng/ nghiên cứu
1.	Nội khoa	8720107	10	Ứng dụng
2.	Ngoại khoa	8720104	20	Ứng dụng
3.	Nhi khoa	8720106	15	Ứng dụng
4.	Y tế công cộng	8720701	15	Ứng dụng
5.	Y học biển	8729004	6	Ứng dụng
6.	Kỹ thuật xét nghiệm y học	8720601	16	Ứng dụng
7.	Dược lý và Dược lâm sàng	8720205	20	Ứng dụng
Tổng			102	

3. Đối tượng và điều kiện dự tuyển thạc sĩ

- Thí sinh đã tốt nghiệp hoặc đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học ngành đúng/ ngành phù hợp (được quy định tại Phụ lục 2);
- Thí sinh có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam và còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển (Phụ lục 3);

4. Hình thức và cách thức tuyển sinh thạc sĩ

4.1. Hình thức tuyển sinh: Xét tuyển

4.2. Cách thức xét tuyển

* **Môn xét tuyển:** Môn xét tuyển được lựa chọn là môn cơ sở và môn chuyên ngành.

Căn cứ kết quả học tập ở trình độ đại học hoặc tương đương để xét tuyển.

Căn cứ vào điểm của 02 học phần (cơ sở và chuyên ngành) ở trình độ đại học của người dự tuyển.

*** Ngành xét tuyển và tổ hợp xét tuyển:**

TT	Tên ngành	Môn xét tuyển	
		Môn cơ sở (Điểm trung bình các môn)	Môn chuyên ngành (Điểm trung bình các môn)
1.	Nội khoa	Sinh lý	Nội khoa
2.	Ngoại khoa	Giải phẫu	Ngoại khoa
3.	Nhi khoa	Sinh lý	Nhi khoa
4.	Y tế công cộng	Dịch tễ học	Chọn một trong các môn sau: Dinh dưỡng & ATTP, Sức khỏe môi trường, Sức khỏe nghề nghiệp, Giáo dục sức khỏe
5.	Y học biển	Sinh lý	Y học biển
6.	Kỹ thuật xét nghiệm Y học	Chọn một trong các môn sau: Sinh lý hoặc Sinh học - di truyền	Chọn một trong các môn sau: Kí sinh trùng, Hóa sinh, Vi sinh, Huyết học, Giải phẫu bệnh
7.	Dược lý và Dược lâm sàng	Hóa hữu cơ	Dược lý

5. Điều kiện xét trúng tuyển.

5.1. Điều kiện xét tuyển

- Điểm của môn cơ sở và môn chuyên ngành được quy đổi theo thang điểm 10 và phải đạt từ 4,0 điểm trở lên.

5.2. Xét trúng tuyển.

- Điểm xét tuyển là tổng điểm của các thành phần: điểm môn cơ sở, điểm môn chuyên ngành và điểm ưu tiên khu vực, điểm ưu tiên đối tượng (nếu có).

- Các thí sinh có điểm đạt của các môn xét tuyển sẽ được xếp theo thứ tự tổng điểm môn chuyên ngành, môn cơ sở cộng với điểm ưu tiên (nếu có), tính từ cao xuống thấp theo ngành/chuyên ngành đăng ký dự thi và sẽ được xét trúng tuyển cho đến khi đủ chỉ tiêu theo ngành/chuyên ngành đã được phê duyệt.

- Điểm xét tuyển lấy đến 2 chữ số thập phân.

- Trong trường hợp thí sinh có điểm xét tuyển bằng nhau, Hội đồng tuyển sinh sẽ dựa vào tiêu chí phụ thì xác định người trúng tuyển theo thứ tự theo tiêu chí sau:

Tiêu chí phụ 1: Điểm trung bình của toàn khoá bậc đại học (theo thang điểm 10)

Tiêu chí phụ 2: Học phần chuyên ngành (theo thang điểm 10, kết quả học tập đại học)

Tiêu chí phụ 3: Học phần cơ sở (theo thang điểm 10, kết quả học tập đại học)

6. Đối tượng và chính sách ưu tiên

6.1. Đối tượng ưu tiên

Mục	Nội dung chính sách ưu tiên	Minh chứng pháp lý
1.	Thí sinh có thời gian công tác liên tục từ 2 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các địa phương là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành.	<ul style="list-style-type: none">▪ Xác nhận của cơ quan quản lý nhân sự;▪ Bản sao công chứng các quyết định tuyển dụng, quyết định tiếp nhận công tác, quyết định phân công công tác hoặc hợp đồng lao động (sau tốt nghiệp Đại học/Sau đại học);
2.	Thí sinh là thương binh, người hưởng chính sách như thương binh.	<ul style="list-style-type: none">▪ Xác nhận của Phòng Lao động-Thương binh xã hội có thẩm quyền.▪ Bản sao công chứng thẻ chính sách thương binh.
3.	Thí sinh là con liệt sĩ.	<ul style="list-style-type: none">▪ Xác nhận của Phòng Lao động-Thương binh xã hội có thẩm quyền▪ Bản sao công chứng xác nhận gia đình liệt sĩ.
4.	Thí sinh là Anh hùng lực lượng vũ trang (LLVT), anh hùng lao động.	<ul style="list-style-type: none">▪ Xác nhận của Phòng Lao động-Thương binh xã hội có thẩm quyền.▪ Bản sao công chứng xác nhận là Anh hùng LLVT, Anh hùng lao động.
5.	Thí sinh là người dân tộc thiểu số hiện đang thường trú, sinh sống 2 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) ở địa phương được quy định tại mục (1) trong bảng này.	<ul style="list-style-type: none">▪ Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về việc thường trú tại địa phương.▪ Bản sao công chứng hộ khẩu thường trú (trong thời hạn 6 tháng).
6.	Thí sinh là con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hoá học.	<ul style="list-style-type: none">▪ Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập.▪ Bản sao công chứng chứng nhận người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học.

6.2. Chính sách ưu tiên

Người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên chỉ được hưởng chế độ ưu tiên của một đối tượng. Người dự thi thuộc đối tượng ưu tiên được cộng 1 điểm vào điểm tổng xét tuyển

Người dự tuyển chỉ được xét ưu tiên khi nộp đầy đủ giấy tờ pháp lý minh chứng về đối tượng ưu tiên.

Không giải quyết các trường hợp nộp bổ sung sau khi nhà trường xét duyệt hồ sơ.

7. Thời gian nhận hồ sơ:

- Thời gian nhận hồ sơ dự thi tuyển đến hết ngày 30/6/2023.
- Thời gian dự kiến xét tuyển vào 24/7/2023 đến 31/7/2023. Kế hoạch chi tiết chính thức sẽ thông báo sau.

8. Kinh phí thi tuyển:

- Lệ phí đăng ký xét tuyển: 60.000đ/hồ sơ.
- Lệ phí xét tuyển: 500.000đ/môn.
- Hồ sơ và kinh phí tuyển sinh không được hoàn lại nếu hồ sơ không đủ điều kiện hoặc thí sinh không tham gia dự tuyển.

9. Hồ sơ dự thi tuyển:

- 1- Đơn xin dự thi (theo mẫu 1)
- 2- Bản sao công chứng bằng điểm, bằng tốt nghiệp đại học. Thí sinh dự tuyển tốt nghiệp đại học ở nước ngoài phải nộp giấy xác nhận văn bằng của cục Khảo thí và kiểm định chất lượng giáo dục, Bộ Giáo dục & Đào tạo.
- 3- Bản sao công chứng: Văn bằng và bằng điểm/chứng chỉ ngoại ngữ theo quy định;
- 4- Chứng chỉ bổ sung kiến thức đối với các ngành tuyển sinh có yêu cầu;
- 5- Giấy tờ pháp lý minh chứng về đối tượng ưu tiên (nếu có) theo quy định;
- 6- Giấy chứng nhận thâm niên công tác trong chuyên ngành dự thi;
- 7- Người dự tuyển công tác tại cơ sở y tế tư nhân, phải nộp hợp đồng lao (bản sao công chứng);
- 8- Công văn hoặc quyết định cử đi dự tuyển của cơ quan công tác;
- 9- Sơ yếu lí lịch có dán ảnh, đóng dấu xác nhận của cơ quan hoặc địa phương (yêu cầu thí sinh có lí lịch bản thân rõ ràng, hiện không bị truy cứu trách nhiệm hình sự);
- 10- Giấy chứng nhận sức khỏe trong thời hạn 6 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ;
- 11- 02 bì thư, 04 ảnh cỡ 4 x 6 mới chụp trong vòng 6 tháng. Bên ngoài hai bì thư và mặt sau tất cả các ảnh ghi rõ họ tên, ngày sinh, nơi sinh (chỉ ghi tỉnh, thành phố), chuyên ngành dự thi.

Ghi chú:

- Tất cả giấy tờ trên được xếp theo thứ tự như trên và đựng trong túi hồ sơ;
- Hội đồng tuyển sinh chỉ nhận hồ sơ đã có đủ giấy tờ theo quy định;
- Thí sinh giả mạo giấy tờ pháp lý, khai man, gian lận trong làm hồ sơ sẽ không được dự tuyển, nếu dự tuyển mà bị phát hiện khai man, giả mạo hồ sơ sẽ bị hủy kết quả.
- Các trường hợp vi phạm sẽ bị lập biên bản và gửi cho cơ quan có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

10. Thời gian công bố kết quả và nhập học

- Dự kiến công bố kết quả dự tuyển ngày 07/8/2023.
- Dự kiến đơn nhận phúc khảo: từ ngày 07/8/2023 đến 17h ngày 10/8/2023.
- Dự kiến công bố kết quả trúng tuyển: ngày 25/8/2023.
- Dự kiến nhập học: ngày 05/9/2023.

Thông tin chi tiết trong quá trình tuyển sinh và xét trúng tuyển, thí sinh xem tại website: www.hpmu.edu.vn hoặc Điện thoại: 02253.735.968

Đề nghị các cơ sở đào tạo, các cơ sở y tế tiếp nhận thông báo và tạo điều kiện thuận lợi cho những người đủ điều kiện, có nguyện vọng dự thi kịp thời hoàn thành hồ sơ và nộp hồ sơ đúng thời hạn./.

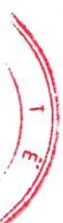
Nơi nhận:

- Các cơ sở y tế;
- Bộ GD&ĐT, Bộ Y tế (đề b/c);
- Hiệu trưởng (đề b/c);
- Lưu: VT, QLĐTSDH.

HIỆU TRƯỞNG



HIỆU TRƯỞNG
PGS. TS. Nguyễn Văn Khải



PHỤ LỤC 1:
DANH MỤC NGÀNH ĐÚNG, NGÀNH PHÙ HỢP VÀ YÊU CẦU HỌC
PHẦN CẢN HOÀN THIỆN CỦA CÁC NGÀNH TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

TT	Ngành đăng ký tuyển sinh	Ngành tốt nghiệp đại học loại giỏi phù hợp	Ngành tốt nghiệp Bậc 7 (ThS, BSNT, CKII) không phải hoàn thiện học phần ThS
1	Ngoại khoa	Y khoa	Ngoại khoa
2	Nhi khoa	Y khoa	Nhi khoa
3	Nội khoa	Y khoa	Nội khoa
4	Y tế công cộng	YHDP, Y khoa	Y tế công cộng- Y học dự phòng

PHỤ LỤC 2:
DANH MỤC CÁC NGÀNH ĐÚNG, NGÀNH PHÙ HỢP
VÀ CÁC HỌC PHẦN PHẢI HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC TRONG TUYỂN
SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

TT	Ngành/chuyên ngành đăng ký tuyển sinh	Tốt nghiệp đại học Ngành đúng (không phải bổ sung kiến thức)	Tốt nghiệp ngành phù hợp (học bổ sung kiến thức trước khi dự thi)	Bổ sung kiến thức
1.	Nội khoa	Y khoa	Không áp dụng	
2.	Nhi khoa	Y khoa	Không áp dụng	
3.	Ngoại khoa	Y khoa	Không áp dụng	
4.	Y học biển	Y khoa	Không áp dụng	
		Y học dự phòng	Không áp dụng	
5.	Dược lý và Dược LS	Dược học	Không áp dụng	
6.	Kỹ thuật XN Y học	Kỹ thuật XN Y học		
			Y khoa	Bổ sung kiến thức Kỹ thuật xét nghiệm Y học (Hoá sinh, Huyết học, Vi sinh, ký sinh trùng, Giải phẫu bệnh).
7.	Y tế công cộng	Y tế công cộng		
		Y học dự phòng		
		Y khoa		
			Dược học, Điều dưỡng – hộ sinh, Dinh dưỡng, Răng – Hàm – Mặt, Kỹ thuật Y học, Y học cổ truyền	Bổ sung kiến thức Y tế công cộng (Dinh dưỡng & ATTP, Dịch tễ học, Sức khoẻ môi trường, Sức khoẻ nghề nghiệp và Giáo dục sức khoẻ)

PHỤ LỤC 3:

Bảng tham chiếu quy đổi một số văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ tương đương
Bậc 3 và Bậc 4 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam
áp dụng trong tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ

(Kèm theo Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ
trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

TT	Ngôn ngữ	Chứng chỉ /Văn bằng	Trình độ/Thang điểm	
			Tương đương Bậc 3	Tương đương Bậc 4
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	30 - 45	46 - 93
		TOEFL ITP	450-499	
		IELTS	4.0 - 5.0	5.5 - 6.5
		Cambridge Assessment English	B1 Preliminary/B 1 Business Preliminary/ Linguaskill. Thang điểm: 140-159	B2 First/B2 Business Vantage/ Linguaskill. Thang diem: 160-179
		TOEIC (4 kỹ năng)	Nghe: 275-399 Doc: 275-384 Not: 120-159 Viết: 120-149	Nghe: 400-489 Doc: 385-454 Noi: 160-179 Viết: 150-179
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance franpaise diplomas	TCF: 300-399 Văn bằng DELF BI DiplSme de Langue	TCF: 400-499 Văn bằng DELF B2 Diplfime de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe - Institut	Goethe-Zertifikat B1	Goethe-Zertifikat B2
		The German TestDaF language certificate	TestDaF Bậc 3 (TDN 3)	TestDaF Bậc 4 (TDN 4)
4	Tiếng Trung Quốc	Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK Bậc 3	HSK Bậc 4
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N4	N3 trở lên
6	Tiếng Nga	TPKPt - TecT nO pyccxoMy sasIx xax oHOcTpaHHoMy	TPKH-1	TPKN-2 trở lên
7	Các ngôn ngữ tiếng nước ngoài khác	Chứng chỉ đánh giá theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	Từ bậc 3 trở lên	Từ bậc 4 trở lên

Lưu ý: Đối với chứng chỉ ngoại ngữ tương đương Bậc 3, Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam do các Trường Đại học tại Việt Nam cấp, chỉ chấp nhận các chứng chỉ được tổ chức thi sau ngày Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo có văn bản cho phép các Trường tổ chức thi, cấp văn bằng, chứng chỉ theo Thông tư số 23/2017/TT-BGDĐT ngày 19/9/2017 và Thông tư 24/2021/TT-BGDĐT ngày 08/9/2021. Chi tiết tại bảng dưới đây:

STT	Tên đơn vị
1	Trường Đại học Sư phạm TP HCM
2	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Huế
3	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội
4	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng
5	Đại học Thái Nguyên
6	Trường Đại học Cần Thơ
7	Trường Đại học Hà Nội
8	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội
9	Trường Đại học Vinh
10	Trường Đại học Sài Gòn
11	Trường Đại học Ngân hàng TP HCM
12	Trường Đại học Trà Vinh
13	Trường Đại học Văn Lang
14	Trường Đại học Quy Nhơn
15	Trường Đại học Tây Nguyên
16	Học viện An ninh Nhân dân
17	Học viện Báo chí Tuyên truyền
18	Trường Đại học Công thương TP HCM
19	Trường Đại học Thương mại
20	Học viện Khoa học Quân sự
21	Trường Đại học Kinh tế - Tài chính TP HCM
22	Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia TP HCM
23	Học viện Cảnh sát Nhân dân
24	Đại học Bách Khoa Hà Nội
25	Trường Đại học Nam Cần Thơ
26	Trường Đại học Ngoại thương
27	Trường Đại học Công nghiệp TP HCM

PHỤ LỤC 4:

HƯỚNG DẪN VIẾT ĐỀ CƯƠNG VÀ KẾ HOẠCH HỌC TẬP/NGHIÊN CỨU

I. Một số quy định

1. Sử dụng bảng mã Unicode, font chữ Times New Roman, cỡ chữ 13 hệ soạn thảo Winword.
2. Giãn dòng 1,5 lines, lề trên 3,5 cm; lề dưới 3,0 cm; lề trái 3,5 cm; lề phải 2,0 cm.
3. Đánh số trang ở trên giữa mỗi trang giấy, bắt đầu từ phần đặt vấn đề.
4. Đề cương in một mặt, đóng bìa mềm, trang bìa và trang phụ bìa trình bày theo mẫu.
5. Có chữ ký của người dự kiến hướng dẫn và xác nhận của Khoa/Bộ môn ở trang phụ bìa (01 quyển có xác nhận và chữ ký gốc + 07 quyển chữ ký photo).

II. Cấu trúc đề cương nghiên cứu

Đề cương nghiên cứu dài **tối đa 30 trang**, không kể phụ lục và tài liệu tham khảo, gồm những nội dung chính sau:

1. Lý do mong muốn đăng ký học NCS tại Trường Đại học Y Dược Hải Phòng (tối đa không quá 2 trang): Cần làm rõ quá trình công tác, các thành tích chuyên môn và nghiên cứu khoa học đã đạt được, việc học NCS tại Trường ĐHYDHP sẽ giúp ích gì cho sự phát triển của ứng viên.

2. Đặt vấn đề, câu hỏi nghiên cứu và mục tiêu đề tài (tối đa 2 trang): Cần làm nổi bật câu hỏi nghiên cứu và đưa ra các minh chứng rõ ràng về ý nghĩa khoa học, ý nghĩa thực tiễn, tính mới của nghiên cứu. Trình bày mục tiêu đề tài theo đúng quy định về cách viết mục tiêu.

3. Tổng quan tài liệu (tối đa 10 trang): Cấu trúc tổng quan tài liệu bám sát mục tiêu nghiên cứu, thể hiện được năng lực tóm tắt và tổng hợp các tài liệu, nghiên cứu khác của học viên. Tổng quan tài liệu không trình bày các nội dung mang tính kinh điển trong sách giáo khoa.

4. Đối tượng và Phương pháp nghiên cứu (tối đa 12 trang) gồm các tiểu mục sau:

- a) Tiêu chuẩn lựa chọn và loại trừ đối tượng nghiên cứu
- b) Địa điểm và thời gian nghiên cứu (thời gian nghiên cứu phân định rõ thời gian thu nhận đối tượng nghiên cứu và thời gian phân tích số liệu, viết bài báo và luận án)
- c) Thiết kế nghiên cứu
- d) Cỡ mẫu và phương pháp chọn mẫu
- e) Biến số/chỉ số nghiên cứu: cần xác định rõ biến số đầu ra/kết cục lâm sàng chính (primary study outcomes) và các biến số liên quan/ảnh hưởng (covariates).

- f) Phương pháp/công cụ thu thập thông tin
- g) Kỹ thuật can thiệp sử dụng trong nghiên cứu
- h) Quy trình nghiên cứu (nêu rõ các thời điểm thu thập thông tin các biến số trong mục e. thời điểm can thiệp)
- i) Sai số tiềm năng và biện pháp khống chế
- j) Dự kiến phương pháp thống kê để sử dụng phân tích số liệu
- k) Đạo đức nghiên cứu

Dự kiến kết quả nghiên cứu (tối đa 2 trang): Trình bày ít nhất 03 bảng trống liên quan đến đặc điểm đối tượng nghiên cứu, các mục tiêu nghiên cứu, mỗi mục tiêu ít nhất 01 hàng. Bảng trống cần thể hiện được phương pháp thống kê sử dụng.

5. Dự kiến Bàn luận (1 trang)

6. Dự kiến Kết luận (không bắt buộc)

7. Tài liệu tham khảo (không tính vào số trang giới hạn của đề cương). Phần này không đánh số trang. Tài liệu tham khảo được trích dẫn theo số thứ tự xuất hiện trong Đề cương, không theo tên tác giả và năm.

8. Phụ lục

Phụ lục 1: Kế hoạch thực hiện nghiên cứu

Phụ lục 2: Dự trù kinh phí cho đề tài (nếu có)

Phụ lục 3: Thông tin thêm về kỹ thuật can thiệp trong nghiên cứu

Phụ lục 4: Công cụ thu thập thông tin (nếu có)

Phụ lục 5: Phiếu cung cấp thông tin và Đơn tham gia nghiên cứu

Phụ lục 6: Các nội dung khác (nếu có)

III. Kế hoạch học tập, nghiên cứu và xuất bản các bài báo: Phần này không tính trong 30 trang đề cương, cần nêu rõ các nội dung

Thời gian dự kiến hoàn thành các học phần hoàn thiện chương trình ThS (nếu có) và học phần tiến sĩ?

Thời gian thu thập số liệu: Thời điểm bắt đầu? Thời điểm kết thúc? Thời gian phân tích số liệu: Thời điểm bắt đầu? Thời điểm kết thúc?

Dự kiến đăng tải bài báo:

+ Dự kiến tên bài báo, nội dung bài báo, tạp chí đăng tải

+ Dự kiến thời gian viết báo, thời gian đăng tải thành công bài báo

Dự kiến thời gian bảo vệ luận án cấp đơn vị chuyên môn (cấp cơ sở)

Dự kiến thời gian bảo vệ luận án cấp Trường.

Trang bìa

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

BỘ Y TẾ



HỌ VÀ TÊN TÁC GIẢ ĐỀ CƯƠNG LUẬN ÁN

TÊN ĐỀ CƯƠNG LUẬN ÁN

ĐỀ CƯƠNG LUẬN ÁN TIẾN SĨ Y HỌC

HẢI PHÒNG -20...

Trang Phụ bìa

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG**

BỘ Y TẾ



HỌ VÀ TÊN TÁC GIẢ ĐỀ CƯƠNG LUẬN ÁN

TÊN ĐỀ CƯƠNG LUẬN ÁN

Ngành:

Mã số:

ĐỀ CƯƠNG LUẬN ÁN TIẾN SĨ Y HỌC

Người hướng dẫn khoa học:

- 1.
- 2.

HẢI PHÒNG -20...

PHỤ LỤC 5:

TIÊU CHÍ XÉT TUYỂN NGHIÊN CỨU SINH NĂM 2023

Thang điểm xét tuyển:

Phần 1. Đánh giá hồ sơ dự tuyển (30 điểm) thang điểm như sau:

STT	Nội dung xét				Thang điểm	Điểm đạt	
1	Kết quả học tập (Chỉ chấm điểm cho mục 1.1 hoặc 1.2)	1.1. Có Bằng thạc sĩ/Bác sĩ nội trú/Bác sĩ chuyên khoa cấp II	Trung bình chung học tập (Chỉ chấm 1 trong hai mục)	Ngành đúng	≥9,0	7	
					Từ 8,0 đến dưới 9.0	5	
					Từ 5,5 đến dưới 8.0	3	
			Ngành phù hợp	>9.0	5		
				Từ 8.0 đến dưới 9.0	3		
				Từ 5,5 đến dưới 8.0	2		
		Điểm luận văn	≥9,0	3			
			<9,0	2			
		1.2. Đại học	Trung bình chung học tập (Chỉ chấm một trong hai mục)	Ngành đúng	Xuất sắc	7	
					Giỏi	5	
Ngành phù hợp	Xuất sắc		5				
	Giỏi		3				
2	Kinh nghiệm & thành tích nghiên cứu khoa học (trong vòng 36 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ)	Các bài báo đã công bố	Trên tạp chí thuộc danh mục Web of Science/Scopus	Tác giả đầu tiên/tác giả liên hệ (số bài báo X thang điểm)	3		
				Tác giả khác (số bài báo X thang điểm)	2		
			Trên tạp chí khoa học chuyên ngành quốc tế có phản biện	Tác giả đầu tiên/tác giả liên hệ (số bài báo X thang điểm)	2		
				Tác giả khác (số bài báo X thang điểm)	1,5		
			Trên tạp chí chuyên ngành trong nước được HĐC DGSNN tính 1 điểm	Tác giả đầu tiên/tác giả liên hệ (số bài báo X thang điểm)	1,5		
				Tác giả khác (số bài báo X thang điểm)	1		
			Trên tạp chí chuyên ngành trong nước được	Tác giả khác (số bài báo X thang điểm)	1		
				Tác giả khác (số bài báo X thang điểm)	0,5		

			HĐCDGS NN tính 0.75 điểm			
			Tạp chí khác	Tác giả đầu tiên/tác giả liên hệ (số bài báo X thang điểm)	0,5	
				Tác giả khác (số bài báo X thang điểm)	0,25	
		Côn g trình nghiên cứu (Đã nghiệm thu	Đề tài cấp Nhà nước/Bộ/T hành phố (số đề tài X thang điểm)	Tham gia	5	
			Đc tài cấp cơ sở (số đề tài X thang điểm)	Chủ nhiệm Đề tài Thư ký Đề tài Tham gia	5 3 1	
		Thành tích nghiên cứu khoa học	Bằng lao động sáng tạo, Bằng khen về thành tích nghiên cứu khoa học, Giải thưởng về khoa học công nghệ cấp trường trở lên		2	
			Giấy khen về thành tích nghiên cứu khoa học		1	
3	Kinh nghiệm công tác chuyên môn	Trên 24 tháng công tác trong ngành/chuyên ngành			2	
		Từ 12 đến dưới 24 tháng công tác trong ngành/chuyên ngành			1,5	
		Dưới 12 tháng công tác trong ngành/chuyên ngành			1	
4	Người dự kiến hướng dẫn	Đã công bố từ 03 bài báo thuộc danh mục Web of Science/Scopus/ISI			5	
		Đã công bố 02 bài báo thuộc danh mục Web of Science/Scopus/ISI			3	
		Đã công bố 01 bài báo thuộc danh mục Web of Science/Scopus/ISI			1	
Tổng điểm phần 1						

Lưu ý: Tổng điểm phần 1 tối thiểu đạt 15đ và không có mục nào 0 điểm.

Phần 2. Đánh giá đề cương nghiên cứu và năng lực của ứng viên: 70 điểm

2.1. Đánh giá nội dung đề cương nghiên cứu: tối đa 50 điểm

TT	Nội dung chấm.	Thang điểm tối đa	Điểm đạt
1	Ý tưởng nghiên cứu: có khả năng đăng báo quốc tế và dự kiến kế hoạch đăng bài báo quốc tế có tính khả thi	10	
2	Đặt vấn đề, câu hỏi và mục tiêu nghiên cứu rõ ràng	5	
3	Ý nghĩa khoa học và thực tiễn: tính mới trong vấn đề nghiên cứu, hoặc giải quyết một vấn đề tồn tại cụ thể của thực tế ngành/chuyên ngành một cách khoa học và hợp lý	10	
4	Phương pháp nghiên cứu khoa học chặt chẽ, sử dụng kỹ thuật mới cập nhật hoặc có cải tiến, sáng tạo	10	
5	Tính khả thi của đề tài (nguồn kinh phí hỗ trợ, cơ sở triển khai nghiên cứu, người hướng dẫn khoa học vv...)	10	
6	Bộ cục hợp lý, tài liệu tham khảo chính xác, cập nhật được trích dẫn đầy đủ	5	
Tổng điểm tối đa phần 2.1		50	

2.2. Đánh giá năng lực của ứng viên (thông qua trình bày đề cương và trả lời câu hỏi): tối đa 20 điểm

TT	Nội dung chấm	Thang điểm tối đa	Điểm đạt
1	Năng lực của thí sinh: nắm vững vấn đề trình bày, sự tự tin, khả năng sắp xếp công việc, khả năng làm việc theo nhóm....	5	
2	Slide báo cáo đúng quy định, trình bày lưu loát, thời gian trình bày không quá 20 phút	5	
3	Trả lời tốt câu hỏi của các thành viên trong hội đồng (ít nhất 05 câu. Mỗi câu 02 điểm)	10	
Tổng điểm tối đa phần 2.2		20	

Lưu ý: Điểm đánh giá đề cương nghiên cứu mục 2.1 phải đạt >25 điểm. Tổng điểm hai phần phải đạt >35 điểm.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**ĐƠN XIN
DỰ TUYỂN ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ**

Ngành/Chuyên ngành năm 2023

Kính gửi: Trường Đại học Y Dược Hải Phòng

Họ và tên: Nam, nữ:.....

Ngày tháng năm sinh:..... Nơi sinh:

Quê quán:..... Dân tộc:

Số CMTND/Hộ chiếu/Căn cước:..... Ngày cấp..... Nơi cấp.....

Email:.....

Cơ quan công tác hiện nay:.....

Chức vụ:.....

Địa chỉ:

Ngày vào đảng CSVN:..... Ngày chính thức:.....

Điện thoại: NR:..... CQ:..... ĐT:.....

Nơi tốt nghiệp:..... Năm tốt nghiệp:.....

Ngành đào tạo: Loại tốt nghiệp:.....

Đăng ký xét tuyển ngoại ngữ: Anh: Pháp: Khác (ghi cụ thể).....

Đăng ký xét tuyển môn cơ sở:

Đăng ký xét tuyển môn chuyên ngành:.....

Đối tượng ưu tiên: Có: Không:

Tôi xin đảm bảo những điều ghi trong đơn là đúng sự thật, tự nguyện đăng ký xét tuyển và cam kết thực hiện đúng quy chế đào tạo của Nhà nước, Bộ Giáo dục & Đào tạo, Bộ Y tế và các quy định của Nhà trường, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Tôi xin chân thành cảm ơn!

....., ngày tháng năm 2023

Xác nhận của cơ quan

Người dự tuyển
(Ký và ghi rõ họ tên)

.....
.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., Ngày tháng năm 2023

GIẤY XÁC NHẬN THÂM NIÊN CÔNG TÁC

Cơ sở y tế:

Xác nhận ông/bà:

Sinh ngày:

Nơi sinh:

Chức vụ:

.....

Đã có thời gian công tác tại (ghi rõ khoa/phòng):

.....

Là năm tháng.

(từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm.....)

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN

QUY ĐỊNH

ĐỐI VỚI NGƯỜI HƯỚNG DẪN NGHIÊN CỨU SINH

(Trích Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28/06/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ)

1. Tiêu chuẩn của người hướng dẫn nghiên cứu sinh:

a) Là công dân Việt Nam hoặc công dân nước ngoài đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 54 Luật Giáo dục đại học (được sửa đổi, bổ sung năm 2018) và những quy định pháp luật khác có liên quan;

b) Có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học, tiến sĩ trong lĩnh vực chuyên môn phù hợp với các học phần, môn học (gọi chung là học phần) đảm nhiệm trong chương trình đào tạo;

c) Có năng lực ngoại ngữ, ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác giảng dạy, nghiên cứu và triển khai những hoạt động trao đổi, hợp tác quốc tế về lĩnh vực chuyên môn đảm nhiệm trong chương trình đào tạo tiến sĩ.

d) Người chưa có chức danh giáo sư, phó giáo sư phải đáp ứng thêm những yêu cầu sau: Có thời gian giảng dạy ở trình độ đại học hoặc thạc sĩ từ 01 năm (12 tháng) trở lên kể từ khi có bằng tiến sĩ; Trong thời gian 05 năm (60 tháng) tính đến thời điểm được phân công hướng dẫn có công bố liên quan đến chuyên môn giảng dạy với vai trò là tác giả đứng tên đầu hoặc tác giả liên hệ của 02 bài báo, báo cáo khoa học trong các ấn phẩm được tính tới 0,75 điểm trở lên theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định; hoặc là tác giả hoặc đồng tác giả của 01 sách chuyên khảo do các nhà xuất bản trong nước và quốc tế phát hành hoặc của 01 chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế phát hành.

2. Nhiệm vụ và quyền của người hướng dẫn:

a) Giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ thực hiện nhiệm vụ và quyền theo quy định tại các Điều 55, Điều 58 Luật Giáo dục đại học (được sửa đổi, bổ sung năm 2018), theo quy chế của cơ sở đào tạo và theo quy định pháp luật liên quan.

b) Tại cùng một thời điểm, người có chức danh giáo sư được hướng dẫn độc lập tối đa 07 nghiên cứu sinh; người có chức danh phó giáo sư, hoặc có bằng tiến sĩ khoa học được hướng dẫn độc lập tối đa 05 nghiên cứu sinh; người có bằng tiến sĩ được hướng dẫn độc lập tối đa 03 nghiên cứu sinh. Trường hợp đồng hướng dẫn 01 nghiên cứu sinh được tính quy đổi tương đương hướng dẫn độc lập 0,5 nghiên cứu sinh.

c) Thông qua kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa và hằng năm của nghiên cứu sinh; hướng dẫn, hỗ trợ, đánh giá, theo dõi và đôn đốc nghiên cứu sinh thực hiện nhiệm vụ học tập và nghiên cứu theo kế hoạch đã thông qua;

Đề xuất hoặc có ý kiến về những thay đổi trong quá trình học tập, nghiên cứu của nghiên cứu sinh;

Đề xuất để nghiên cứu sinh được đánh giá luận án tại đơn vị chuyên môn và được bảo vệ luận án tại Hội đồng đánh giá luận án của cơ sở đào tạo;

Trong thời gian 05 năm (60 tháng) tính đến thời điểm có quyết định công nhận hướng dẫn nghiên cứu sinh, người hướng dẫn chính, người hướng dẫn độc lập, người đồng hướng dẫn khi không phân biệt giữa hướng dẫn chính và hướng dẫn phụ phải có thêm kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực chuyên môn liên quan tới đề tài luận án hướng dẫn, cụ thể như sau: Là tác giả chính của báo cáo hội nghị khoa học, bài báo khoa học được công bố trong các ấn phẩm thuộc danh mục Web of Science hoặc Scopus (sau đây gọi chung là danh mục WoS/Scopus) hoặc chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc bài báo đăng trên các tạp chí khoa học trong nước được Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định khung điểm đánh giá tới 0,75 điểm trở lên, hoặc sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín trong nước và quốc tế phát hành; các công bố phải đạt tổng điểm từ 4,0 điểm trở lên tính theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định cho mỗi loại công trình (không chia điểm khi có đồng tác giả);

Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy chế của cơ sở đào tạo.

IV. CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây của tôi là đúng sự thật, nếu có điều gì sai trái, tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm.

....., ngày tháng năm 20

XÁC NHẬN CỦA ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN
(Ký tên, đóng dấu)

NGƯỜI KHAI
(Ký và ghi rõ họ tên)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHẤP THUẬN HƯỚNG DẪN KHOA HỌC
CHO NGƯỜI DỰ TUYỂN NGHIÊN CỨU SINH

Kính gửi: Trường Đại học Y Dược Hải Phòng

Tên tôi là:

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Nơi sinh:

Chức danh khoa học:

Học vị:

Chuyên ngành:

Chức vụ công tác:.....

Đơn vị công tác:

Qua tìm hiểu các quy định đối với người hướng dẫn nghiên cứu sinh

Theo điều 4,5,6 Chương I Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28/06/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ

Căn cứ vào phẩm chất, năng lực chuyên môn cũng như đề tài/lĩnh vực dự định nghiên cứu của ông/bà

Tôi xin cam đoan có đủ các điều kiện của người hướng dẫn nghiên cứu sinh và chấp thuận làm người hướng dẫn khoa học cho đề tài luận án của ông/bà

Trân trọng cảm ơn.

....., ngày tháng năm 2023

NGƯỜI LÀM ĐƠN CHẤP THUẬN
(Ký và ghi rõ họ tên)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày tháng năm

THƯ GIỚI THIỆU

Kính gửi: Hội đồng xét tuyển nghiên cứu sinh Trường Đại học Y Dược Hải Phòng

Tên tôi là:

Học hàm:

Đơn vị công tác

Điện thoại: Email:

Là chuyên gia thuộc ngành (*nếu người giới thiệu là nhà khoa học*) hoặc là Thủ trưởng đơn vị công tác của ông (bà):

Tôi xin giới thiệu ông (bà), hiện là ứng viên dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ vào Đại học Y Dược Hải Phòng năm 2022 chuyên ngành đào tạo

Tôi đã có thời gian trên 6 tháng công tác, cùng hoạt động chuyên môn với ông/bà và có một số nhận xét, đánh giá về năng lực, phẩm chất của ông/bà cụ thể như sau

- a) Phẩm chất đạo đức, đặc biệt đạo đức nghề nghiệp;
- b) Năng lực hoạt động chuyên môn;
- c) Phương pháp làm việc;
- d) Khả năng nghiên cứu;
- đ) Khả năng làm việc theo nhóm;
- e) Điểm mạnh và yếu của người dự tuyển;
- g) Trình độ ngoại ngữ
- h) Triển vọng phát triển về chuyên môn;
- i) Những nhận xét khác và mức độ ủng hộ, giới thiệu thí sinh làm nghiên cứu sinh.

Với những phẩm chất đạo đức, năng lực chuyên môn như trên, ông/bà hoàn toàn đủ khả năng làm nghiên cứu sinh

Tôi xin trân trọng giới thiệu ông/bà đến trường Đại học Y Dược Hải Phòng đăng ký xét tuyển nghiên cứu sinh năm 2022

Trân trọng cảm ơn.

....., ngày tháng năm 2023

NGƯỜI GIỚI THIỆU

(Ký và ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN XIN DỰ TUYỂN

Chuyên ngành năm 2023

Kính gửi: Trường Đại học Y Dược Hải Phòng

Họ và tên: Nam, nữ:

Ngày, tháng, năm sinh: Nơi sinh:

Quê quán: Dân tộc:

Chức vụ:

Email:

Số CMTND/Hộ chiếu/Căn cước: Ngày cấp: Nơi cấp:

Ngày vào Đảng CSVN: Ngày chính thức:

Cơ quan công tác hiện nay:

Địa chỉ:

Nơi tốt nghiệp đại học: Năm tốt nghiệp:

Ngành đào tạo: Loại tốt nghiệp:

Điện thoại: NR: CQ: DD:

Đăng kí Ngoại ngữ: Anh: Pháp: Khác (ghi cụ thể)

Thời gian công tác trong chuyên ngành đăng ký dự thi (tính sau khi tốt nghiệp đại học):

Từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm

Tôi xin đảm bảo những điều ghi trong đơn là đúng sự thật, tự nguyện đăng kí dự thi tuyển và cam kết thực hiện đúng qui chế đào tạo của Nhà nước, Bộ Giáo dục & Đào tạo, Bộ Y tế và các qui định của Nhà trường, nếu sai tôi chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật./

Tôi xin chân thành cảm ơn!

....., ngày tháng năm 2023

Xác nhận của cơ quan

Người dự tuyển
(Ký và ghi rõ họ tên)

NỘI DUNG HỒ SƠ
ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NĂM 2023

TT	NỘI DUNG	Chi chú
1.	Đơn xin dự thi (có ghi rõ đăng ký môn xét tuyển);	
2.	Bản công chứng bằng tốt nghiệp đại học; (Thí sinh dự tuyển tốt nghiệp đại học ở nước ngoài phải nộp giấy xác nhận văn bằng của cục Khảo thí và kiểm định chất lượng giáo dục, Bộ Giáo dục & Đào tạo).	
3.	Bản sao công chứng bằng điểm đại học;	
4.	Bản sao công chứng chứng chỉ ngoại ngữ theo quy định (từ bậc 3/6 trở lên); Thời hạn chứng chỉ ngoại ngữ trong thời gian 05 năm kể từ ngày hạn nộp hồ sơ.	
5.	Chứng chỉ bổ sung kiến thức đối với các ngành tuyển sinh có yêu cầu;	
6.	Giấy tờ pháp lý minh chứng về đối tượng ưu tiên (nếu có) theo quy định;	
7.	Giấy chứng nhận thâm niên công tác trong chuyên ngành dự thi; (không bắt buộc);	
8.	Người dự tuyển công tác tại cơ sở y tế tư nhân, có đơn cam đoan là thí sinh tự do;	
9.	Công văn cử đi dự tuyển của cơ quan công tác;	
10.	Sơ yếu lí lịch có dán ảnh, đóng dấu xác nhận của cơ quan hoặc địa phương (nếu là thí sinh tự do) - (yêu cầu thí sinh có lí lịch bản thân rõ ràng, hiện không bị truy cứu trách nhiệm hình sự);	
11.	Giấy chứng nhận sức khỏe trong thời hạn 6 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ;	